

Số: /2013/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày tháng năm 2013

Dự thảo

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chế độ bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH10 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 04/4/2001;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ; Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn chế độ bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi.

Chương I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn chế độ bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi của các tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng kinh phí cấp bù do thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí, kinh phí cấp hỗ trợ tài chính, kinh phí do thu thủy lợi phí, tiền nước đối với các đối tượng phải thu và các khoản kinh phí khác

từ ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước cho việc bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “*Bảo dưỡng công trình thủy lợi*” là các hoạt động theo dõi, chăm sóc, sửa chữa những hư hỏng nhỏ của công trình, thiết bị được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình thủy lợi ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường, hạn chế sự phát sinh các hư hỏng lớn công trình thủy lợi.

2. “*Sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi*” là các hoạt động sửa chữa có tính chất thường xuyên, định kỳ từng phần của công trình, thiết bị sau một thời gian sử dụng, nhằm khắc phục hư hỏng được phát hiện trong quá trình vận hành, khai thác, sử dụng nhằm bảo đảm sự vận hành bình thường, an toàn của công trình, kênh mương, nhà xưởng, máy móc thiết bị.

3. “*Sửa chữa đột xuất*” là các hoạt động sửa chữa công trình thủy lợi do các tác động đột xuất, như: gió bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy hoặc những tác động đột xuất khác đã dẫn tới những hư hỏng, xuống cấp cần được sửa chữa kịp thời để đảm bảo công trình hoạt động liên tục và an toàn.

Điều 3. Nội dung bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên

1. Công việc bảo dưỡng

Bảo dưỡng là các hoạt động kiểm tra, duy trì và phục hồi cho các công trình thủy lợi, gồm: san lấp ổ gà đường quản lý, bờ kênh, hót đất xô, xếp mái đá, mái bê tông, trát chít vết nứt, sứt mẻ; cắt cỏ, chăm sóc trồng bổ sung, thay thế cỏ bị chết; khơi thông dòng chảy; tra dầu mỡ, thay thế bu lông, thay dầu máy biến thế... và những phần việc tương tự như quy định tại Khoản 2 Điều này nhưng khối lượng nhỏ hơn, kỹ thuật thi công đơn giản, không cần dùng máy móc phức tạp. Cụ thể, với mỗi hạng mục có: khối lượng nhỏ hơn 3m³ đối với đất; nhỏ hơn 1m³ đối với xây đúc; nhỏ hơn 10m² đối với sơn chống rỉ; nhỏ hơn 20m² đối với vớt rong, bèo, rác.

2. Sửa chữa thường xuyên

a) Công trình thủy lợi, gồm: sửa chữa các bộ phận công trình thủy lợi đầu mối, kênh và công trình trên kênh; đắp áp trúc, gia cố, phát cây, dọn cỏ mái (đập đất, kênh); gia cố sạt lở mái kênh dẫn; nạo vét (kênh dẫn, cửa vào, cửa ra trạm bơm, cống) đảm bảo các thông số thiết kế đã duyệt; lắp đặt, tháo dỡ trạm bơm tạm; đắp, phá bờ ngăn, đập tạm để chống úng, chống hạn; xử lý mạch đùn, thấm lậu, hang động vật, tổ mối; xử lý thấm mang cống; xử lý xói cục bộ; trát chít, ốp vá khe nứt, sứt mẻ của các cấu kiện xây đúc; thay thế cánh cống, cánh phai, lưới chắn rác, bộ máy đóng mở cống; sơn chống rỉ bộ phận bằng thép của khung dàn, cánh cống, cánh phai, lưới chắn rác; vớt rong, bèo, rác gây cản trở dòng chảy.

b) Máy móc thiết bị, gồm: Sửa chữa hoặc thay thế các linh kiện (bi, bạc, đai ốc, ống hút, ống đẩy, nắp clapê máy bơm, van crepin máy bơm, trục bơm,

cánh quạt, cánh hướng nước, vành mòng...); sảy động cơ; sửa chữa, thay thế thiết bị điện (aptomat, cầu chì, cầu dao, dây dẫn); vệ sinh thiết bị; siết chặt đai ốc; gia cố đầu cốt, hệ thống thanh cái, cáp ngầm, chống sét, ánh sáng, thông tin và các thiết bị khác.

c) Đối với nhà, xưởng, như: Sửa mái nhà, xưởng, thay tấm lợp; sửa chữa phần gỗ, thép, trần bê tông (xử lý khe nứt chống dột), trát tường, trần; ốp lát tường, sàn nhà; quét vôi ve, sơn trần, tường, cánh cửa.

d) Đo đạc, kiểm tra định kỳ tính ổn định của công trình theo thiết kế như cao trình trạm bơm, hồ, đập, cống, chất lượng làm việc của các thiết bị cơ khí, điện; hàng rào bảo vệ, mốc kiểm tra theo dõi, bảo vệ công trình.

e) Các hạng mục khác có tính chất sửa chữa thường xuyên đối với các công trình, thiết bị, tài sản của tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi.

Điều 4. Yêu cầu của công việc bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi

1. Tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi phải thường xuyên, định kỳ kiểm tra, phát hiện các sự cố, hư hỏng của các công trình thủy lợi để có kế hoạch theo dõi hoặc thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa ngay, nhằm làm cho các công trình luôn được an toàn, sử dụng hiệu quả, phát huy tối đa hiệu ích.

2. Khi thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi phải lựa chọn thời gian phù hợp, không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng thấp nhất đến việc vận hành của công trình phục vụ sản xuất và dân sinh.

3. Bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên phải đảm bảo duy trì điều kiện làm việc bình thường của công trình, thiết bị, không làm thay đổi mục tiêu, nhiệm vụ thiết kế của công trình. Trường hợp cần bổ sung hoặc nâng cấp công trình phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Điều 5. Quy trình về bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa đột xuất công trình thủy lợi

1. Bảo dưỡng công trình

a) Tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi chịu trách nhiệm toàn bộ từ khâu lập kế hoạch, xây dựng dự toán, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các nội dung bảo dưỡng công trình thủy lợi.

b) Các hạng mục bảo dưỡng công trình không phải lập Báo cáo Kinh tế-kỹ thuật, chỉ cần thuyết minh nhiệm vụ, xác định khối lượng và lập dự toán kinh phí, trình thủ trưởng đơn vị quyết định và tổ chức thực hiện.

2. Sửa chữa thường xuyên

a) Quy trình, thủ tục, trình tự tổ chức thực hiện hạng mục công trình sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi được vận dụng theo các quy định của công tác đầu tư xây dựng cơ bản.

b) Trường hợp công việc sửa chữa thường xuyên đơn giản, giá trị kinh phí nhỏ hơn 500 triệu đồng phải đảm bảo tối thiểu các quy trình sau:

- Hạng mục đã được ghi trong kế hoạch hoặc trong hợp đồng đặt hàng đã được ký kết.

- Có đồ án thiết kế và dự toán được phê duyệt.

- Có hợp đồng kinh tế với đơn vị thi công (trường hợp đơn vị tự làm phải có quyết định giao việc hoặc hợp đồng giao khoán), kèm theo báo cáo giám sát của cán bộ kỹ thuật thuộc tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Có biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

3. Sửa chữa đột xuất công trình thủy lợi: được vận dụng theo các quy định của Nghị định 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ và các quy định cụ thể như sau:

a) Hạng mục công trình cần sửa chữa đột xuất do chịu các tác động như: gió bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy hoặc những tác động đột xuất khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên hoặc có nguy cơ mất an toàn, ảnh hưởng kết quả phục vụ sản xuất, dân sinh được tiến hành theo trình tự sau đây:

- Thực hiện các biện pháp tạm thời để đảm bảo an toàn công trình, đồng thời lập Biên bản xác nhận hiện trạng hạng mục công trình giữa đại diện tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi với chính quyền trên địa bàn cấp xã hoặc Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (công trình do Tổ chức hợp tác dùng nước hoặc đơn vị sự nghiệp cấp huyện quản lý), Chi cục Thủy lợi (công trình do công ty hoặc đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh quản lý).

- Tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi tính toán khối lượng, dự toán kinh phí, biện pháp thi công, báo cáo cấp có thẩm quyền để tiến hành tổ chức thi công ngay để khắc phục hư hỏng công trình, đảm bảo kịp thời phục vụ sản xuất.

- Hoàn thiện Báo cáo kinh tế-kỹ thuật hoặc Báo cáo nhiệm vụ sửa chữa thường xuyên và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với các hạng mục sửa chữa đột xuất có giá trị từ 500 triệu đồng trở xuống, tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi sử dụng kinh phí dự phòng, chủ động triển khai các thủ tục, biện pháp sửa chữa để đảm bảo an toàn công trình, phục vụ sản xuất và dân sinh. Trường hợp không còn kinh phí dự phòng thì báo cáo cơ quan có thẩm quyền bổ sung vào kế hoạch.

Điều 6. Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên

1. Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi là một khoản chi cho hoạt động khai thác công trình thủy lợi của tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi.

2. Kinh phí cho bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi được lấy từ các nguồn:

a) Thủy lợi phí cấp bù từ Ngân sách Nhà nước.

b) Thủy lợi phí, tiền nước thu được từ các đối tượng phải thu.

c) Cấp hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước.

d) Các nguồn vốn hợp pháp khác của tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi.

3. Các tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi phải sử dụng lao động của đơn vị hoặc thuê khoán nhân công thời vụ (trường hợp lao động không đảm bảo) để hoàn thành các nội dung bảo dưỡng và chỉ được chi tiền nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong khoản chi dùng cho bảo dưỡng công trình, máy móc thiết bị.

Điều 7. Quy định bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đối với một số loại hình công trình

1. Bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các công trình bằng đất, bằng bê tông, xây gạch, đá

a) Việc bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đối với các bộ phận công trình bằng đất, bằng bê tông, xây gạch, đá phải làm thường xuyên. Đối với các bộ phận ở dưới nước bị hư hỏng nhưng chưa có điều kiện để bảo dưỡng, sửa chữa ngay thì phải có các biện pháp xử lý tạm thời. Khi có điều kiện sẽ thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa chính thức.

b) Trường hợp công trình thủy lợi có kết hợp giao thông phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của công trình thủy lợi đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn của mặt cắt thiết kế công trình giao thông.

2. Bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các công trình máy bơm

Máy bơm, trạm bơm phải được bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ sau một số giờ làm việc nhất định theo tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia TCVN 8417:2010.

3. Bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các công trình bằng gỗ, kim khí

a) Các bộ phận bằng gỗ, như: cửa van, phai định kỳ 1÷2 năm phải sơn quét 01 lần vào trước mùa mưa lũ, bộ phận nào bị mối mọt, mục nát phải thay thế ngay.

b) Các bộ phận bằng thép: cửa van thép, dàn, bệ tời, thanh kéo, lan can bảo vệ định kỳ 2÷3 năm sơn lại một lần vào trước mùa mưa lũ. Đối với các công vùng ảnh hưởng mặn thì mỗi năm sơn 1 lần.

c) Các bộ phận bị ma sát phải thường xuyên lau chùi, tra dầu mỡ.

4. Bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các công trình kênh mương

a) Việc bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình kênh mương phải làm thường xuyên, liên tục sau mỗi mùa vụ sản xuất.

b) Đối với các đoạn kênh ngoài cống dưới đê cấp 2 trở lên, kênh dẫn vào bể hút các trạm bơm nước trực tiếp từ sông, hoặc kênh ở những vùng đất dễ sạt lở, bồi lắng hàng năm phải tổ chức nạo vét để đảm bảo dẫn nước.

c) Đối với các loại kênh khác, tùy tình hình thực tế sạt lở, bồi lấp để bố trí kinh phí và kế hoạch nạo vét, đảm bảo các kênh được thông suốt, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh.

5. Bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các hạng mục khác

Các công trình thủy lợi khác tùy theo điều kiện thực tế hoạt động của công trình, kinh phí của tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi để thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi bảo đảm duy trì sự ổn định, an toàn công trình.

Chương II

MỨC KHUNG ĐỊNH MỨC CHI PHÍ SỬA CHỮA THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 8. Mức chi phí sửa chữa thường xuyên xác định theo nguyên giá tài sản cố định

Bảng số 1. Mức chi phí sửa chữa thường xuyên theo nguyên giá tài sản cố định

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

TT	Vùng	Biện pháp công trình		
		Công trình trọng lực	Công trình động lực	Kết hợp giữa động lực và trọng lực
1	Miền núi	0,75÷1,80	1,05÷1,90	0,90÷1,85
2	Đồng bằng	0,60÷1,50	0,75÷1,55	0,65÷1,60
3	Trung du	0,65÷1,55	0,80÷1,80	0,75÷1,60
4	Ven biển	0,75÷1,80	0,90÷1,90	0,75÷1,55
5	Tây Nguyên	1,00÷1,80	1,20÷1,90	1,05÷1,85

Điều 9. Chi phí sửa chữa thường xuyên xác định theo tổng chi phí phục vụ tưới tiêu

Bảng số 2. Định mức chi phí sửa chữa thường xuyên theo tổng chi phí phục vụ tưới tiêu

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

TT	Vùng	Biện pháp công trình		
		Công trình trọng lực	Công trình động lực	Kết hợp giữa động lực và trọng lực
1	Miền núi cả nước	≥ 28	≥ 17	≥ 21
2	Đồng bằng sông Hồng	≥ 25	≥ 20	≥ 23
3	Trung du Bắc bộ và Bắc Trung bộ	≥ 30	≥ 18	≥ 22
4	Duyên hải Nam Trung bộ	≥ 30	≥ 18	≥ 22
5	Tây Nguyên	≥ 28	≥ 17	≥ 21
6	Đông Nam bộ	≥ 35	≥ 23	≥ 28
7	Đồng bằng sông Cửu Long	≥ 45	≥ 25	≥ 35

Điều 10. Mức trích lập chi phí sửa chữa thường xuyên

1. Căn cứ mức khung định mức chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên quy định tại Điều 8, hoặc Điều 9 của Thông tư này, khả năng kinh phí và điều kiện cụ thể của công trình, tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi lập danh mục các hạng mục, công việc, xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi trong kế hoạch tổng thể sản xuất kinh doanh hoặc hồ sơ đặt hàng của tổ chức.

2. Quy định mức trích lập cụ thể như sau:

a) Công trình mới đưa vào vận hành, khai thác hoặc mới được đánh giá lại giá trị tài sản trong vòng 3 năm kể từ ngày đưa vào sử dụng hoặc kể từ thời điểm được công nhận giá trị đánh giá lại trích mức tối thiểu theo quy định của bảng 1, điều 8 Thông tư này.

b) Công trình đã vận hành, khai thác sau 10 năm trích bằng mức tối đa theo quy định của bảng 1 điều 8 Thông tư này.

c) Đối với công trình thủy lợi không phải trích khấu hao hoặc không xác định được giá trị tài sản phù hợp thực tế được trích mức chi phí cho sửa chữa thường xuyên tài sản cố định theo tỷ lệ phần trăm (%) theo quy định của bảng 2 điều 9 Thông tư này.

3. Trích 10% kinh phí trong tổng mức chi phí sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi làm kinh phí dự phòng. Trường hợp tổng doanh thu không đảm bảo mức trích theo quy định tại Điều 8 hoặc Điều 9 Thông tư này, tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi báo cáo chủ sở hữu hoặc cơ quan quyết định thành lập để bổ sung đủ kinh phí bảo đảm cho công tác sửa chữa thường xuyên.

Chương III

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA THƯỜNG XUYỀN CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 11. Trình tự thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi

1. Công tác bảo dưỡng

a) Lập kế hoạch và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch hoặc chuẩn bị hồ sơ đặt hàng.

b) Lập, trình duyệt dự toán kinh phí.

c) Tổ chức thực hiện bảo dưỡng công trình thủy lợi.

d) Kiểm tra giám sát, nghiệm thu công việc.

đ) Hoàn tất các thủ tục liên quan đến quyết toán.

2. Công tác sửa chữa thường xuyên

a) Tổ chức kiểm tra, rà soát các hạng mục công trình thủy lợi bị hư hỏng, xuống cấp trong hệ thống, thống kê theo thứ tự ưu tiên sửa chữa.

b) Lập kế hoạch và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch hoặc chuẩn bị hồ sơ đặt hàng.

c) Tổ chức lập, thẩm định Báo cáo kinh tế-kỹ thuật hoặc Báo cáo nhiệm vụ sửa chữa thường xuyên.

d) Tổ chức thẩm tra, phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ thuật hoặc Báo cáo nhiệm vụ sửa chữa thường xuyên.

đ) Tổ chức thi công, lắp đặt hạng mục sửa chữa theo quy định.

e) Kiểm tra giám sát, nghiệm thu bàn giao hạng mục sửa chữa thường xuyên đảm bảo chất lượng, an toàn, tiết kiệm và kịp thời phục vụ sản xuất;

g) Hoàn tất các việc liên quan đến quyết toán hạng mục công trình sửa chữa thường xuyên.

Điều 12. Lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên

1. Tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi hàng năm lập và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sản xuất

hàng năm hoặc hợp đồng đặt hàng được ký kết, trong đó có kế hoạch, nội dung bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi.

2. Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên gồm:

a) Kế hoạch vật tư, máy móc thiết bị.

b) Kế hoạch lao động bao gồm lao động của tổ chức và lao động thuê ngoài.

3. Nội dung kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên bao gồm:

a) Tên bộ phận công trình hoặc thiết bị cần bảo dưỡng, sửa chữa;

b) Lý do, mục tiêu sửa chữa hoặc thay thế;

c) Khối lượng công việc;

d) Ước toán kinh phí thực hiện;

e) Dự kiến thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành.

4. Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thực hiện.

Điều 13. Quy định lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, Báo cáo nhiệm vụ sửa chữa thường xuyên

1. Hạng mục sửa chữa thường xuyên, sửa chữa đột xuất có giá trị dự toán từ 500 triệu đồng trở lên thì tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi phải tổ chức lập Báo cáo kinh-tế kỹ thuật. Nội dung Báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quy định hiện hành của công tác xây dựng cơ bản.

2. Hạng mục sửa chữa thường xuyên, sửa chữa đột xuất có giá trị dự toán nhỏ hơn 500 triệu đồng thì tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi tổ chức lập Báo cáo nhiệm vụ sửa chữa thường xuyên (Đồ án thiết kế và dự toán).

3. Tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi có chức năng và đủ năng lực trong hoạt động tư vấn xây dựng theo quy định hiện hành có thể tự lập hoặc thuê các tổ chức, cá nhân có chức năng và đủ năng lực trong hoạt động tư vấn xây dựng theo quy định hiện hành để lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật hoặc Báo cáo nhiệm vụ sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi.

Điều 14. Áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức trong bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi

1. Bảo dưỡng công trình

a) Bảo dưỡng công trình thủy lợi áp dụng theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

b) Đối với những hạng mục chưa có định mức chuyên ngành, áp dụng định mức tương ứng của các ngành khác hoặc của địa phương đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Sửa chữa thường xuyên công trình

a) Áp dụng theo quy định đối với công trình xây dựng cơ bản và các quy định hiện hành có liên quan của nhà nước.

b) Công việc đào đắp, xây đúc, nạo vét công trình thủy lợi, kênh mương được tính theo đơn giá xây dựng cơ bản hiện hành của địa phương nơi có hạng mục công trình cần sửa chữa hoặc đơn giá nhân công tại địa phương, nhưng không vượt đơn giá xây dựng cơ bản hiện hành của địa phương.

c) Dự toán khảo sát địa hình, địa chất, địa chất thủy văn (nếu có) tính theo đơn giá khảo sát hiện hành của địa phương.

d) Định mức dự toán công tác đắp đất trong nước ở vùng đồng bằng sông Cửu Long; định mức dự toán điều tra, khảo sát và xử lý môi; định mức dự toán khoan phụt vữa gia cố chất lượng công trình theo quy định hiện hành.

đ) Định mức chi tư vấn đầu tư xây dựng, chi khác, chi dự phòng trong tổng chi phí theo quy định hiện hành của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính.

3. Đối với một số nội dung công tác sửa chữa thường xuyên không có đơn giá được thực hiện theo nguyên tắc thực thanh thực chi, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

4. Khi lập dự toán chi tiết bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi, giá nguyên, nhiên, vật liệu, thiết bị phải cập nhật thông báo giá vật liệu mới nhất do Sở Xây dựng, Sở Tài chính của địa phương ban hành. Giá vật tư, thiết bị được mua theo giá trị dự toán đã được duyệt, khi thay đổi giá thì phải được cơ quan phê duyệt dự toán đồng ý bằng văn bản.

Điều 15. Thẩm định, thẩm tra thiết kế và phê duyệt hạng mục sửa chữa thường xuyên

1. Đối với các địa phương Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phân cấp thẩm định, thẩm tra thiết kế và phê duyệt các dự án xây dựng cơ bản hoặc có quy định nội dung này trong Điều lệ hoạt động của các tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi (Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi) trong đó có nội dung công tác sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi thì thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không quy định được thực hiện như sau:

2.1. Đối với các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi 100% vốn thuộc sở hữu nhà nước

Công ty chịu trách nhiệm tổ chức lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc Báo cáo nhiệm vụ sửa chữa thường xuyên, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện nhiệm vụ sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định sau:

a) Đối với các hạng mục có dự toán từ 500 triệu đồng trở lên của Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi trực thuộc Bộ phải trình Tổng cục Thủy lợi để tổ chức thẩm tra thiết kế trước khi phê duyệt.

b) Đối với các hạng mục có dự toán từ 500 triệu đồng trở lên của các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi trực thuộc cấp tỉnh phải trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổ chức thẩm tra thiết kế trước khi phê duyệt.

c) Đối với các hạng mục có tổng dự toán dưới 500 triệu đồng, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi chịu trách nhiệm toàn bộ từ khâu lập kế hoạch, hoàn thiện các thủ tục và tổ chức thực hiện, bảo đảm sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

d) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ trình thẩm tra thiết kế, cơ quan thẩm tra thiết kế có trách nhiệm xem xét hồ sơ và có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không đúng theo quy định). Thời gian thẩm tra thiết kế không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm tra nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.2. Đối với các đơn vị sự nghiệp

a) Đơn vị sự nghiệp làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi cấp tỉnh (trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) tổ chức lập, thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc Báo cáo nhiệm vụ sửa chữa thường xuyên trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm tra thiết kế và phê duyệt đối với hạng mục có dự toán từ 300 triệu đồng trở lên.

Đối với các hạng mục sửa chữa thường xuyên có dự toán dưới 300 triệu đồng, đơn vị sự nghiệp làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi cấp tỉnh chịu trách nhiệm toàn bộ từ khâu lập kế hoạch, hoàn thiện các thủ tục và tổ chức thực hiện, bảo đảm sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

b) Đơn vị sự nghiệp làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi cấp huyện (trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện) có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định Báo cáo kinh tế-kỹ thuật hoặc Báo cáo nhiệm vụ sửa chữa thường xuyên trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đối với các hạng mục có dự toán từ 100 triệu đồng trở lên sau khi có ý kiến thẩm tra thiết kế của đơn vị chuyên môn về thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Đơn vị sự nghiệp làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi cấp huyện có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và tự phê duyệt Báo cáo nhiệm

vụ sửa chữa thường xuyên có dự toán dưới 100 triệu đồng sau khi có ý kiến thẩm tra thiết kế của đơn vị chuyên môn về thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ trình thẩm tra thiết kế, cơ quan thẩm tra thiết kế có trách nhiệm xem xét hồ sơ và có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không đúng theo quy định). Thời gian thẩm tra thiết kế không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm tra nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.3. Đối với các Tổ chức Hợp tác dùng nước

a) Tổ chức Hợp tác dùng nước chịu trách nhiệm tổ chức thuê tư vấn lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật hoặc Báo cáo nhiệm vụ sửa chữa thường xuyên trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt sau khi có ý kiến thẩm tra thiết kế của đơn vị chuyên môn về thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Đối với những nơi chưa có tổ chức hợp tác dùng nước đủ tư cách pháp nhân, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật hoặc Báo cáo nhiệm vụ sửa chữa thường xuyên, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện.

c) Trường hợp quy định tại khoản này, trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ trình thẩm tra thiết kế, cơ quan thẩm tra có trách nhiệm xem xét hồ sơ và có văn bản đến chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không đúng theo quy định). Thời gian thẩm tra thiết kế không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm tra nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.4. Trường hợp khác

Đối với các trường hợp khác, tùy theo quy mô tổ chức, người đại diện theo pháp luật của tổ chức vận dụng theo các quy định của khoản 1, 24 điều này để lập, thẩm định, thẩm tra, phê duyệt và tổ chức thực hiện các hạng mục sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi.

3. Hồ sơ trình thẩm tra thiết kế

a) Tờ trình đề nghị thẩm tra;

b) Báo cáo thuyết minh;

c) Đồ án thiết kế kèm dự toán;

d) Kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc hồ sơ đặt hàng trong đó có tên hạng mục đề nghị thẩm tra.

Điều 16. Tổ chức thi công hạng mục sửa chữa thường xuyên

1. Tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi được thực hiện các phương thức tổ chức thi công phù hợp với điều kiện thực tế; được thuê các

đơn vị có năng lực, phù hợp với nội dung công việc nhằm sửa chữa thường xuyên công trình đảm bảo an toàn, kịp thời vụ sản xuất.

2. Đối với các công trình ở những nơi hẻo lánh, vùng sâu, vùng xa, công trình cần thi công khẩn trương hoặc khó thi công phải thuê ngoài với giá cao hơn bình thường phải được sự đồng ý của cơ quan phê duyệt dự toán.

3. Tổ chức làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi được giao đơn vị, bộ phận trực thuộc (nếu đủ năng lực) thực hiện nhiệm vụ thi công, lắp đặt công việc sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi, đảm bảo an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

4. Đối với các hạng mục sửa chữa khẩn cấp, tổ chức làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi được phép vừa thiết kế đồng thời tổ chức thi công, lắp đặt và phải khẩn trương hoàn thiện thủ tục theo quy định.

Điều 17. Công tác kiểm tra, giám sát

1. Chủ sở hữu doanh nghiệp, cơ quan giao kế hoạch hoặc cơ quan đặt hàng dịch vụ thủy lợi (hoặc các cơ quan được uỷ quyền), cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi chịu trách nhiệm kiểm tra tình hình triển khai thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất khi cần thiết.

2. Tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi phải có bộ phận kỹ thuật để giám sát quá trình thực hiện các hạng mục bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi.

Điều 18. Thủ tục quyết toán

1. Thời gian quyết toán các hạng mục bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi được thực hiện đồng thời với quyết toán tài chính năm của tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi.

2. Trình tự, thủ tục quyết toán các hạng mục bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi như các khoản mục chi phí theo các quy định hiện hành về quản lý tài chính và hạch toán kế toán đối với Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước và các loại hình tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi khác.

Điều 19. Tổng cục Thủy lợi (đối với các doanh nghiệp trực thuộc Bộ quản lý), Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (đối với các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, doanh nghiệp thuộc địa phương), Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với đơn vị sự nghiệp cấp huyện, Tổ chức Hợp tác dùng nước) tổ chức chỉ đạo thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi hoàn thành kế hoạch nhiệm vụ sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi. Tổ chức kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi, đảm bảo việc sử dụng chi phí sửa chữa thường xuyên đúng quy định và có hiệu quả.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Thủy lợi chủ trì tổ chức hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, các tổ chức làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi triển khai thực hiện các nội dung của Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi, Tổ chức hợp tác dùng nước chủ động triển khai các nội dung của Thông tư này.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký. Mọi quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan TW, các đoàn thể;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo Chính phủ;
- Website: Chính phủ, Bộ NN và PTNT, TCTL;
- Sở NN và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ NN và PTNT;
- Lưu: Văn thư, Vụ PC, TCTL (10b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hoàng Văn Thắng